TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/DS-ST
Ngày 05-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum;

Ông Cao Hoài Hiêm.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như, Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2016/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992, có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, có mặt

Các đương sự cùng trú tại: Ấp XS, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-11-2016 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị C trình bày:

Vợ chồng chị H, anh T có tham gia góp hụi do chị làm chủ hụi, các dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi khui ngày 20/4/2013 âm lịch, hụi 500.000 đồng/tháng, gồm 20 phần, chị H tham gia 02 phần, ghi tên UN (tên thường gọi của chồng chị H).

- Phần hụi thứ nhất, chị H trúng hụi vào ngày 20/4/2013 (âm lịch), số tiền 150.000 đồng, hốt được số tiền 6.650.000 đồng, sau khi trừ tiền cò chị đăng cho chị H số tiền 6.450.000 đồng. Sau đó, chị H đóng hụi đầy đủ đến khi mãn hụi.

- Phần hụi thứ hai, chị H trúng hụi vào ngày 20/8/2013, số tiền 110.000 đồng, hốt được số tiền 7.850.000 đồng (gồm 04 phần hụi chết và 15 phần hụi sống), sau khi trừ tiền cò, chị đăng cho chị H số tiền 7.650.000 đồng. Sau khi hốt phần hụi này, chị H có đăng cho chị được 02 tháng hụi chết. Đối với phần hụi này, chị H còn nợ chị hụi chết, số tiền 6.500.000 đồng.

Ngoài ra, chị H có vay của chị 3.000.000 đồng nên đến ngày 30/11/2014, chị chốt lại tiền nợ hụi chết của dây hụi 500.000 đồng/tháng và tiền vay, hai bên lập giấy nợ tính số tròn là 9.000.000 đồng và yêu cầu chị H ký tên vào. Riêng số tiền 500.000 đồng chị cho chị H.

Dây hụi khui ngày 20/01/2014 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, chị H tham gia 01 phần, ghi tên UT. Chị H trúng hụi vào ngày 20/6/2014 (âm lịch), số tiền 380.000 đồng, hốt được số tiền 14.920.000 đồng (gồm 05 phần hụi chết và 16 phần hụi sống), sau khi trừ tiền cò chị đăng cho chị H số tiền 14.520.000 đồng. Sau khi hốt phần hụi này, chị H đóng hụi chết được 01 lần và không tiếp tục đăng hụi chết cho chị. Do đó, chị H nợ lại chị số tiền 15.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy nợ ngày 04-10-2015 với số tiền nợ hụi là 15.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu vợ chồng chị H, anh T trả cho chị số tiền 23.000.000 đồng. Chị rút yêu cầu đối với số tiền 1.000.000 đồng vì chị H, anh T đã trả cho chị được 1.000.000 đồng. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Vợ chồng chị có tham gia góp hụi do chị C làm chủ hụi. Vợ chồng chị tham gia 01 phần hụi 1.000.000 đồng/tháng và 02 phần hụi 500.000 đồng/tháng. Hụi khui từ thời gian nào chị không nhớ, chỉ nhớ chị tham gia góp hụi 500.000 đồng/tháng trước, hụi 1.000.000 đồng/tháng tham gia sau. Chị không nhớ rõ đã hốt hụi và đóng hụi chết đến thời gian nào nhưng chị có đóng vài tháng hụi chết cho chị C.

Chị thừa nhận có nợ chị C số tiền hụi 15.000.000 đồng. Đây là tiền hụi chết của 03 phần hụi mà chị tham gia. Ngoài ra, chị có trả cho chị C được số tiền 1.000.000 đồng nên chỉ còn nợ lại chị C số tiền 14.000.000 đồng. Việc trả tiền không làm giấy tờ gì.

Chị không thừa nhận số nợ 9.000.000 đồng mà chị C khởi kiện vợ chồng chị vì số nợ 9.000.000 đồng đã bao gồm trong số tiền 15.000.000 đồng. Chị thừa nhận có ký tên vào 02 Giấy nợ đối với số nợ 9.000.000 đồng và 15.000.000 đồng.

Nay chị không đồng ý trả cho chị C số tiền 24.000.000 đồng, chị chỉ đồng ý cùng chồng chị trả cho chị C số tiền 14.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh là chồng chị Nguyễn Thị Thu H. Anh có ký tên vào Giấy nợ nhưng không nhớ ký vào Giấy nợ ngày nào. Anh thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng. Anh chỉ đồng ý cùng vợ anh trả cho chị C số tiền 14.000.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C đối với chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị H và anh T có nghĩa vụ trả cho chị C số tiền 23.000.000 đồng, ghi nhận chị C không yêu cầu tính lãi suất.

Đình chỉ yêu cầu chị C đối với số tiền 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị C yêu cầu vợ chồng chị H, anh T trả số tiền nợ là 24.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị C thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Chị yêu cầu vợ chồng chị H và anh T trả cho chị số tiền 23.000.000 đồng; nhưng chị H, anh T chỉ đồng ý trả số tiền 14.000.000 đồng.

Xét thấy, chị H, anh T đều thừa nhận các dây hụi đã tham gia và tiền hốt hụi như chị C trình bày.

- Xét giấy nợ ngày 30/11/2014 có nội dung: "Vợ chồng un còn thiếu lại tiền hụi C L là 9.000.000^{đ}", lúc đầu chị H không thừa nhận có ký và viết họ tên vào giấy nợ. Do đó, chị C có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của chị H. Tại Kết luận giám định số 1318/C54B ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị Thu H trên giấy nợ ngày 30/11/2014 so với chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị Thu H trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Anh T cho rằng anh có ký tên vào 01 giấy nợ với chị C nhưng không nhớ giấy

nợ nào. Trong 02 giấy nợ do chị C cung cấp, chỉ có giấy nợ ngày 30/11/2014 có chữ ký và chữ viết của anh T. Do đó, có căn cứ xác định giấy nợ ngày 30/11/2014, chị H và anh T còn nợ chị C số tiền hụi 9.000.000 đồng.

- Xét giấy nợ ngày 04-10-2015 có nội dung: Vợ chồng un có thiếu tiền hụi C số tiền 15.000.000 đồng. Vợ chồng chị H, anh T đều thừa nhận số tiền nợ này nhưng cho rằng số tiền nợ 15.000.000 đồng đã bao gồm số tiền nợ 9.000.000 đồng ký trước đó, chị C không thừa nhận. Chị H, anh T không có chứng cứ chứng minh giấy nợ ngày 04-10-2015 đã cộng dồn số nợ 9.000.000 đồng. Mặt khác, chị H trình bày đã hốt các phần hụi như chị C trình bày, sau đó, chị có đóng lại hụi chết nhưng không biết đóng lại được bao nhiêu lần và không biết còn nợ bao nhiêu tiền hụi chết của chị C. Xét lời trình bày của chị H không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Chị H, anh T trình bày, sau khi ký giấy nợ ngày 04-10-2015, vợ chồng chị có trả cho chị C số tiền 1.000.000 đồng, chị C thừa nhận việc trả nợ này. Tại phiên tòa, chị C rút yêu cầu đối với số tiền 1.000.000 đồng, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; đình chỉ yêu cầu của chị C đối với số tiền 1.000.000 đồng.

Từ phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị C phù hợp quy định tại Điều 474, 479 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, hụi, biểu, phường, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C. Buộc chị H và anh T có nghĩa vụ trả cho chị C số tiền 23.000.000 đồng; ghi nhận chị C không yêu cầu lãi suất.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: số tiền 23.000.000 đồng x 5% = 1.150.000 đồng.

[4] Tại kết luận giám định số 1318/C54B ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị Thu H trên giấy nợ ngày 30/11/2014 so với chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị Thu H trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Do yêu cầu giám định của chị C có căn cứ nên chị H, anh T phải chịu chi phí giám định là 1.600.000 đồng. Do đó, chị H, anh T có nghĩa vụ trả lại chị C 1.600.000 đồng chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 474, 479 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng.

Ghi nhận chị C không yêu cầu lãi suất.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị C đối với số tiền 1.000.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Nguyễn Văn Tiền phải chịu 1.150.000 (một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Nguyễn Thị C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị C số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008301 ngày 12/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Chi phí giám định: Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lại chị Nguyễn Thị C 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. H.Trảng Bàng;
- THADS. H.Trảng Bàng;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm